

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13/02/2025

“V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hương.
2. Bà Tường Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh, Thẩm tra V Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát Viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Bàn Văn D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn LL, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Chị Triệu Thị V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn BN, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2024, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bàn Văn D trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Sau khi cưới anh D và chị V chung sống tại thôn LL, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, anh D và chị V sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh D cho rằng giữa anh D và chị V tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và do cả hai không tin tưởng nghi ngờ lẫn nhau có quan hệ bất chính với người khác từ đó anh D và chị V xảy ra cãi vã, cuộc sống chung hết sức căng thẳng đến năm 2022 mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn nên anh D và chị V đã sống ly thân, hiện nay anh D và chị V không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh D xác định tình cảm giữa anh D và chị V không còn, anh D và chị V không đăng ký kết hôn nên anh D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh D và chị Triệu Thị V là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị V có 03 con chung là cháu Bàn Thị Diễm H, sinh ngày 30/7/2006, cháu Bàn Linh Đ và cháu Bàn Linh N cùng sinh ngày 20/6/2012. Nay Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng anh D nhất trí giao cháu Linh Đ và cháu Linh N cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Bàn Thị Diễm H hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đã chuyển khẩu đi sinh sống ở tỉnh Yên Bái từ năm 2020.

- Về tài sản chung: Anh D và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Triệu Thị V trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Triệu Thị V và anh Bàn Văn D qua thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị V và anh D chung sống tại thôn LL, xã LP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, chị V và anh D chỉ sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị V cho rằng anh D chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình và các con, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị V gánh vác. Từ đó anh chị xảy ra cãi vã, anh D đã đánh chị V Nều lần, chị V đã cố gắng khuyên bảo nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng chị V và anh D đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị V và anh D là vợ chồng, chị V hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị V và anh D có 03 con chung là cháu Bàn Thị Diễm H, sinh ngày 30/7/2006, cháu Bàn Linh Đ và cháu Bàn Linh N cùng sinh ngày 20/6/2012. Nay Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng chị V

yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Linh Đ và cháu Linh N, chị V không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Bàn Thị Diễm H hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đã chuyển khẩu đi sinh sống ở tỉnh Yên Bái từ năm 2020.

- Về tài sản chung: Chị V và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến trình bày của con trên 07 tuổi: Cháu Bàn Linh Đ và cháu Bàn Linh N cùng sinh ngày 20/6/2012 cùng trình bày sau khi anh D và chị V thực hiện thủ tục không công nhận quan hệ vợ chồng tại Tòa án nguyện vọng của các cháu mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V giữ nguyên quan điểm nêu trong bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án.

Tại các biên bản xác minh ngày 27/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đại diện Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP cung cấp: Qua rà soát Sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2004 cho đến nay không có trường hợp nào tên chồng là Bàn Văn D, sinh năm 1988, tên vợ là Triệu Thị V, sinh năm 1987 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 143, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bàn Văn D: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V về nuôi con chung, chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bàn Linh Đ và cháu Bàn Linh N, cùng sinh ngày 20/6/2012, anh Bàn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Bàn Thị Diễm H, sinh ngày 30/7/2006, hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường anh D, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Anh D và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Bàn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bàn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh D và chị Triệu Thị V là vợ chồng do anh D và chị V chung sống mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Triệu Thị V có đăng ký thường trú tại thôn BN, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã nơi anh D và chị V đăng ký thường trú là Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đại diện Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP cung cấp: Qua rà soát Sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2004 cho đến nay không có trường hợp nào tên chồng là Bàn Văn D, sinh năm 1988, tên vợ là Triệu Thị V, sinh năm 1987 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP và xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Mọi quan hệ giữa anh D và chị V không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh D yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa anh D và chị Triệu Thị V, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bàn Văn D, không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh D và chị V có 03 con chung là cháu Bàn Thị Diễm H, sinh ngày 30/7/2006, cháu Bàn Linh Đ và cháu Bàn Linh N cùng sinh ngày 20/6/2012. Tại phiên tòa anh D và chị V thỏa thuận về nuôi con chung, chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh Đ và cháu Linh N, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều

81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần ghi nhận sự thỏa thuận trên. Anh Bàn Văn D được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Bàn Thị Diễm H, sinh ngày 30/7/2006, hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Bàn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Triệu Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bàn Văn D; không công nhận quan hệ giữa anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Bàn Văn D và chị Triệu Thị V; chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bàn Linh Đ và cháu Bàn Linh N cùng sinh ngày 20/6/2012. Anh Bàn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Bàn Văn D phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002357132, ngày 03/12/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000725, ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Triệu Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã LP;
- UBND xã TP;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS+Lưu án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh